

Số: 05 /QĐ-BTG

Ninh Bình, ngày 06 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tài sản cố định năm 2024

TRƯỞNG BAN TÔN GIÁO SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tài sản cố định năm 2024:

(Kèm theo biểu mẫu số 09a-ck.tsc, 09b-ck.tsc).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính - Tổng hợp, Nghiệp vụ, công chức và người lao động thuộc Ban Tôn giáo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KT.



Dương Đại Đồng

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua/thuê	Nhà cung cấp	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Xe ô tô	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Tài sản cố định khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III	Tài sản đi thuê	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đất khuôn viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Nhà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Xe ô tô	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Tài sản cố định khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đất khuôn viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Nhà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Xe ô tô	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Tài sản cố định khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng		01				14.250.000						

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tôn Thị Huệ

Ngày 06...tháng 02 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TRƯỞNG BAN
Dương Đại Đồng

Bộ, tỉnh:

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Ban Tôn giáo
Mã đơn vị: 1098212
Loại hình đơn vị:



Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại (đồng)	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
II	Tài sản cố định khác													
1	Máy tính để bàn (Đ/c Đồng)	Trưởng ban	1	11.500.000	11.500.000		2.300.000		x					
2	Máy tính để bàn (Đ/c Sơn)	Phó Trưởng ban	1	11.480.000	11.480.000		0		x					
3	Máy vi tính để bàn (Đ/c Nam)	Phó Trưởng ban	1	11.390.000	11.390.000		0		x					
4	Máy vi tính để bàn (Đ/c Phương)	Phòng Nghiệp vụ	1	14.250.000	14.250.000		11.400.000		x					
5	Máy vi tính để bàn (Đ/c Hoa)	Phòng Nghiệp vụ	1	11.400.000	11.400.000		6.840.000		x					
6	Máy vi tính để bàn (Đ/c Trần Hà)	Phòng Nghiệp vụ	1	11.390.000	11.390.000		0		x					
7	Máy vi tính để bàn (Đ/c Hùng)	Phòng Hành chính tổng hợp	1	12.787.500	12.787.500		0		x					
8	Máy tính để bàn (Đ/c Huệ)	Phòng Hành chính tổng hợp	1	11.480.000	11.480.000		0		x					
9	Máy vi tính để bàn (Đ/c Đàm Hà)	Phòng Hành chính tổng hợp	1	12.787.500	12.787.500		0		x					
10	Máy vi tính để bàn (Đ/c Nhâm)	Phòng Hành chính tổng hợp	1	11.400.000	11.400.000		6.840.000		x					
11	Máy vi tính xách tay	Phòng Hành chính tổng hợp	1	13.400.000	13.400.000		0		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá (đồng)			Giá trị còn lại (đồng)	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Máy vi tính làm văn bản mật	Phòng Hành chính tổng hợp	1	11.500.000	11.500.000		2.300.000		x					
13	Máy photo phòng HCTH	Phòng Hành chính tổng hợp	1	32.000.000	32.000.000		0		x					
14	Bàn làm việc (phòng đ/c Đồng)	Trưởng ban	1	10.000.000	10.000.000		0		x					
15	Bộ bàn ghế salon Trại khám dơi Minh (phòng đ/c Đồng)	Trưởng ban	1	10.402.500	10.402.500		0		x					
16	Bộ bàn ghế salon Trại khám dơi Minh (phòng đ/c Nam)	Phó Trưởng ban	1	22.600.000	22.600.000		0		x					
17	Máy điều hòa (phòng đ/c Đồng)	Trưởng ban	1	12.500.000	12.500.000		0		x					
18	Máy điều hòa (phòng đ/c Sơn)	Phó Trưởng ban	1	12.900.000	12.900.000		8.062.500		x					
19	Máy điều hòa (phòng đ/c Nam)	Phó Trưởng ban	1	12.500.000	12.500.000		0		x					
20	Máy điều hòa (phòng Nghiệp vụ)	Phòng Nghiệp vụ	1	12.521.000	12.521.000		0		x					
21	Máy điều hòa (phòng HC-TH)	Phòng Hành chính tổng hợp	1	12.900.000	12.900.000		8.062.500		x					
22	Phần mềm Kế toán Misa	Phòng Hành chính tổng hợp	1	10.500.000	10.500.000		0		x					
			22	293.588.500	293.588.500		45.805.000							

NGƯỜI LẬP BIỂU

[Signature]
Trần Thị Huệ

Ngày 06 tháng 02 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TRƯỞNG BAN
Dương Đại Đồng